

GIÁO DỤC TRONG CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN NGƯỜI VÀ SỰ THAY ĐỔI PHƯƠNG PHÁP TÍNH

PGS.TS. NGUYỄN TIẾN ĐẠT

1. Đặt vấn đề

Báo cáo *Phát triển Người (Human Development Report - HDR)* của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc UNDP đã có HDR 2014 [1], trong đó chỉ số Phát triển Người HDI mà giáo dục (GD) là thành phần đứng đầu có vị trí quan trọng. Phương pháp mới dùng trong Báo cáo sau năm 2010 được trình bày kĩ trong bài viết này. Phương pháp cũ trước năm 2010 có thể xem trong *Free Encyclopedia* của Wikipedia trên Internet. Sự thay đổi nhiều lần công thức tính các chỉ số khác và tỉ lệ GD trong 25 năm qua đã tạo điều kiện so sánh chính xác, hiện đại hơn trong GD so sánh - một môn học đang phát triển ở nước ta. Bài viết đưa ra biểu đồ so sánh chỉ số Phát triển Người của Việt Nam với 5 nước đã từng có quan hệ mật thiết về GD, văn hóa trong lịch sử nước ta là Trung Quốc, Liên Xô (hiện nay là Liên bang Nga), Đức, Pháp và Mĩ. Bảng so sánh chỉ số Phát triển Người của Việt Nam với 187 nước trên thế giới hiện nay có số liệu trong Phụ lục Thống kê (*Statistical Annex*) của HDR 2014 [2].

2. Phương pháp mới tính chỉ số Phát triển Người

Công thức chung tính chỉ số X như sau:

$$X_{\text{chỉ số}} = \frac{x - \min(x)}{\max(x) - \min(x)}$$

Trong đó: $\min(x)$, $\max(x)$ là trị số quy ước nhỏ nhất và lớn nhất của biến số x.

Chỉ số Phát triển Người (*Human Development Index HDI*) là chỉ số tổng hợp trung bình đo thành tựu đạt được ở ba thành phần cơ bản của sự phát triển con người là GD, tuổi thọ và thu nhập. Phương pháp luận tính toán chỉ số này đã được UNDP sử dụng từ báo cáo đầu tiên đến báo cáo năm 2009 và tiếp tục cập nhật cho đến nay. Trong Báo cáo HDR 2010 in ngày 4/9/2010 và cập nhật ngày 10/6/2011, ba thành phần trên được đề cập như sau:

a) Chỉ số GD (Education Index EI) được tính bằng trung bình cộng của chỉ số Năm đi học trung bình (*Mean Year of Schooling Index MYSI*) và chỉ số Năm đi học kì vọng (*Expected Year of Schooling Index EYSI*), theo công thức:

$$EI = \frac{MYSI + EYSI}{2}$$

Trong đó: Chỉ số Đi học trung bình tính bằng $MYSI/15$ và chỉ số Đi học kì vọng tính bằng $EYSI/18$. Số năm đi học trung bình MYSI là số năm một người tuổi 25 hoặc lớn hơn đã học trong các trường. Số năm đi học kì vọng EYSI là số năm một trẻ em 5 tuổi sẽ học trong các trường suốt cuộc đời.

Chỉ số GD của Việt Nam tính ra $EI=0,782$ so sánh với nước cao nhất về $MYSI=12,9$ năm là Đức và Mĩ tính ra $EI=0,901$ và $0,908$. Cao nhất về $EYSI=19,9$ năm là Úc và

cao nhất về chỉ số GD trên thế giới $MYSI=12,8$ năm tính ra $EI=0,979$. Số trung bình quá thấp nhưng kì vọng của ta quá cao nên chỉ số GD mới nâng cao như vậy. Việt Nam có số năm đi học theo số liệu mới nhất của HDR 2014 là $MYSI=5,5$ năm và $EYSI=11,9$ năm. Trên thế giới, nước có trị số cao nhất là Đức và Mĩ $MYSI=12,9$ năm, Úc $EYSI=19,9$ năm và nước có trị số thấp nhất là Burkina Faso $MYSI=1,3$ năm và Eritrea $EYSI=4,1$ năm [3]. So sánh giữa hai số năm đi học MYSI và EYSI giữa Việt Nam và 5 nước trên thể hiện rõ trong Bảng 1.

Bảng 1: So sánh trị số năm đi học trung bình MYSI và kì vọng EYSI/thứ hạng H giữa Việt Nam và các nước Nga, Đức, Mĩ, Pháp, Trung Quốc

Nước	Nga	Đức	Mĩ	Pháp	Trung Quốc	Việt Nam
MYSI/H	11,7/20	12,9/1	12,9/1	11,1/32	7,5/112	5,5/138
EYSI/H	14,0/64	16,3/18	16,5/13	16,0/24	12,9/93	11,9/121
% tăng	19,6	26,4	27,9	44,1	72,0	111,9

Việt Nam là nước duy nhất có tỉ lệ tăng nhiều nhất trên 100% trong 5 nước, hơn nhiều trong 190 nước trên thế giới có số liệu trong Báo cáo HDR 2014. Xét về thứ hạng trên thế giới so với 5 nước, Việt Nam thấp nhất về số năm đi học trung bình MYSI nhưng cao nhất về số năm đi học kì vọng EYSI. Nếu đạt được kì vọng này trong tương lai thì nền GD Việt Nam sẽ đạt thành tựu lớn, đáp ứng mong mỏi của các nhà GD và xã hội.

b) Chỉ số Tuổi thọ (Life Expectancy Index LEI) là số năm một người có thể kì vọng và duy trì cuộc sống suốt thời gian từ khi còn bé đến khi mất đi tính theo công thức:

$$LEI = \frac{LE - 20}{85 - 20}$$

Trong đó: LE (*Life Expectancy*) là tuổi thọ trung bình của mọi người trong một nước; hai con số 85 và 20 là số dự kiến tuổi thọ trung bình cao nhất và thấp nhất trên thế giới. Theo số liệu của HDR 2014, cao nhất là Nhật Bản $LE=83,6$ năm và thấp nhất là Sierra Leone $LE= 45,6$ năm.

Việt Nam có số tuổi thọ $LE= 75,9$ năm. Nếu so sánh với thứ hạng chỉ số Tuổi thọ LEI của 187 nước trên thế giới là 139 thì Việt Nam vào loại dưới trung bình. Nếu so sánh chỉ số tuổi thọ với 5 nước trên thì Việt Nam kém Pháp, Đức, Mĩ nhưng hơn Trung Quốc và Nga.

c) Chỉ số Thu nhập (Income Index II) tính bằng thu nhập tổng cộng của một nền kinh tế tạo ra bởi sản xuất thuộc quyền sở hữu các nhân tố sản xuất của riêng một nước, không kể các thu nhập từ việc sử dụng các nhân tố đó thuộc quyền sở hữu của phần còn lại của thế giới, chuyển đổi thành đồng đô la quốc tế theo giá quy đổi, chia cho dân số ở tuổi trung niên (*Midyear population*).

Công thức tính chỉ số Thu nhập II từ năm 1995 đến nay đã thay đổi ba lần. Đầu tiên, Arkinson đề ra 7 công thức phức tạp với các số mũ lẻ theo mức thu nhập thấp cao của 7 nhóm nước. Năm 1999, Arnand và Sen đưa ra một công thức chung đơn giản dưới dạng logarit, được cải tiến và dùng như sau:

$$II = \frac{\log(\text{GDPqd}) - \log(100)x}{\log(1700) - \log(100)x}$$

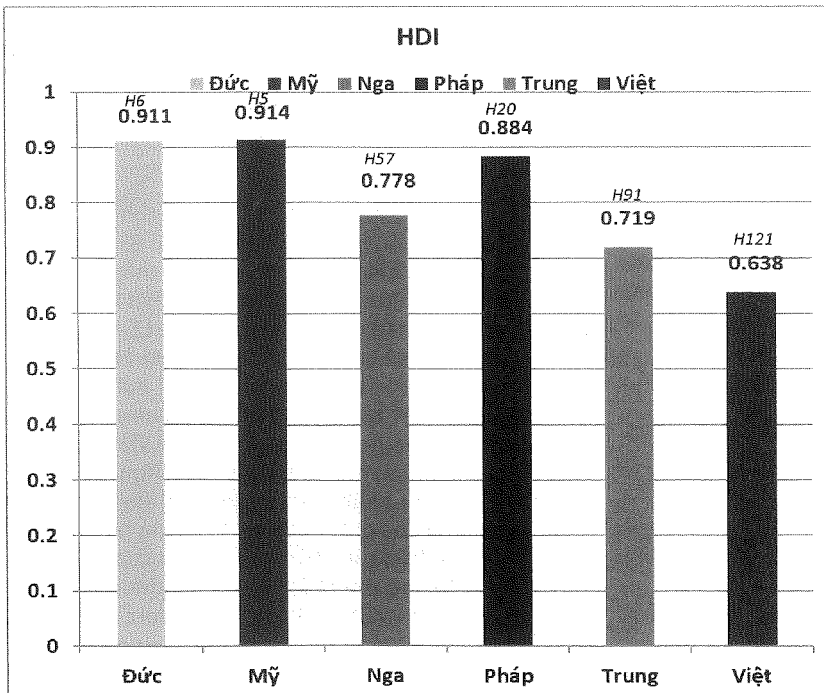
Trong đó: GDPqd là số quy đổi của Tổng sản phẩm Quốc nội (*Gross Domestic Product*).

Việt Nam hiện có số thu nhập GNI=4 892 USD với thứ hạng 121 trên thế giới. Cao nhất là Qatar (trị số 119029 USD, thứ hạng 1) và thấp nhất là Cộng hòa Dân chủ Congo (trị số 390 USD, thứ hạng 175). Xét về thứ hạng Việt Nam, thuộc loại dưới trung bình ít nhưng trị số thuộc loại dưới trung bình nhiều vì gần Congo và xa Qatar.

Chỉ số Phát triển Người tính bằng trung bình nhân của ba chỉ số trên theo công thức: $HDI = \sqrt[3]{LEI \cdot EI \cdot II}$.

Hiện nay, Việt Nam có trị số HDI=0,638, xếp thứ 121 thuộc loại trung bình trên thế giới. Hiện nay, UNDP chia 187 nước trên thế giới thành 4 loại: Phát triển người rất cao VHHD (*Very High Human Development*) gồm 49 nước, trong đó có Mĩ, Đức, Pháp; Phát triển người cao HHD (*High Human Development*) gồm 53 nước, trong đó có Nga, Trung Quốc; Phát triển người trung bình MHD (*Medium Human Development*) gồm 46 nước, trong đó có Việt Nam; Phát triển người thấp LHD (*Low Human Development*) gồm 43 nước. Vượt lên đạt thứ hạng và xếp loại cao hơn của Phát triển Người là việc khó với nhiều nước và Việt Nam.

Biểu đồ 1: So sánh Chỉ số Phát triển Người HDI của Việt Nam với các nước Đức, Mĩ, Liên bang Nga, Pháp và Trung Quốc



3. Biểu đồ so sánh chỉ số Phát triển Người

Biểu đồ 1 diễn tả sự so sánh chỉ số Phát triển Người của 6 nước xếp theo chữ cái với dạng cột,... Trên đỉnh mỗi cột là trị số HDI in đậm và thứ hạng in nghiêng, không đậm của nước đó.

Xét về thứ hạng trên thế giới, so với 5 nước, Việt Nam thấp nhất về trị số và thứ hạng HDI. Trong 189 nước trên thế giới, so với mức trung bình, Việt Nam hơn về trị số nhưng kém về thứ hạng. Điều đó nhắc nhở mọi người làm GD và các ngành khác phải phấn đấu vươn lên.

4. Kết luận

Phương pháp tính chỉ số Phát triển Người HDI và các thành phần GD, tuổi thọ, thu nhập đã thay đổi nhiều lần từ năm 1990 đến nay khi Chương trình Phát triển Liên hợp quốc UNDP công bố Phụ lục Thống kê (Statistical Annex) hàng năm của các nước trên thế giới. Phương pháp tính ngày càng hiện đại, chính xác và thuận tiện cho việc so sánh GD giữa các nước.

So sánh chỉ số Phát triển Người HDI giữa Việt Nam và các nước có quan hệ nhiều về GD được diễn tả trên một biểu đồ trực quan. Việc nêu rõ trị số và thứ hạng của các nước cho thấy Việt Nam phải nỗ lực phấn đấu. Việc so sánh GD gồm các chỉ số, tỉ lệ và số liệu GD nên tiến hành hàng năm để thấy được sự phát triển GD của Việt Nam so với các nước khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. UNDP, (2014), *Human Development Report*, New York/Milan.

[2]. So sánh GD Việt Nam với các nước, (2015), NXB Bách khoa, Hà Nội.

[3]. GD so sánh, (2014), NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Bộ GD&ĐT, (2015), *Thống kê GD và đào tạo năm học 2013-2014*, Hà Nội.

SUMMARY

Method to calculate Human Development Index (HDI) with related components such as education, life expectancy and income facilitate development comparisons between Vietnam and other countries in the world, especially with the five countries of China, France, Russia, Germany and the US with close relationship to education and culture. These comparisons should be carried out annually in order to see educational improvement and effort in Vietnam and other countries.

Keywords: Education; method; Human Development Index.